TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31 /2022/DS – PT
Ngày: 21/02/2022
V/v "T/c quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bích Hải

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Hồng Dung

Bà Hà Thị Phương Thanh

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Hồng Phil - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 và 21 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 84/2020/TLPT-DS ngày 25 tháng 03 năm 2020 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện P.Đ. bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 144/2020/QĐ - PT ngày 15 tháng 06 năm 2020, giữa các đương sự:

* <u>*Nguyên đơn*</u>: 1. ông Nguyễn V.S., sinh năm 1952.

2. bà Nguyễn T.Y., sinh năm 1952.

Địa chỉ: ấp N.T., xã N.N., huyện P.Đ., thành phố Cần Thơ.

<u>Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn</u>: ông Nguyễn V.Đ., sinh năm 1974, địa chỉ: ấp L.B., xã Y.L., huyện G., tỉnh Tiền Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2019).

<u>Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn</u>: Luật sư Nguyễn T.C. – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Cần Thơ.

* <u>*Bị đơn*</u>: Bà Lê T.N., sinh năm 1960

Địa chỉ: ấp Nhơn Phú 1, xã N.N., huyện P.Đ., thành phố Cần Thơ.

* <u>Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan</u>: Ông Nguyễn V.Th., sinh năm 1952, địa chỉ: ấp Nhơn Phú 1, xã N.N., huyện P.Đ., thành phố Cần Thơ.(đã chết)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng:

1. Bà Lê T.N., sinh năm 1960.

2. Chị Nguyễn Th.T., sinh năm 1983.

3. Anh Nguyễn V.T., sinh năm 1986.

4. Chị Nguyễn Th.Tr., sinh năm 1987.

5. Chị Nguyễn Thị Đài, sinh năm 1990.

Cùng ngụ tại: ấp Nhơn Phú 1, xã N.N., huyện P.Đ., thành phố Cần Thơ.

<u>Người làm chứng</u>:

1. ông Nguyễn V.K., sinh năm 1958, địa chỉ: phường Th.Th., quận C.R., thành phố Cần Thơ – Có mặt.

2. ông Đặng V.T1, sinh năm 1964, địa chỉ: ấp N.T., xã N.N., huyện P.Đ., thành phố Cần Thơ – Có mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn V.S., bà Nguyễn T.Y..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – ông Nguyễn V.S. trình bày: Vợ chồng ông có phần đất diện tích 4.693m^2 thửa 102, tờ bản đồ số 08, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000351 ngày 18/11/1995. Năm 1992, ông vay của bà Lê T.N. số tiền 1.700.000 đồng, đóng lãi được một thời gian thì gia đình khó khăn không có khả năng đóng lãi nữa, bà N. kê vốn và lãi lên số tiền 3.600.000 đồng. Ngày 15/8/1993 bà N. buộc vợ chồng ông giao hai công đất tầm 03m, đồng thời có lập giấy tay cầm cố với số tiền 3.600.000 đồng. Năm 1995, ông định làm thủ tục vay vốn ngân hàng và thế chấp thửa 102 nhưng bà N. ngăn cản, giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tự ý làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất. Nay ông khởi kiện yêu cầu chuộc lại quyền sử dụng đất, bà N. trả cho ông 02 công đất tầm 03m (qua đo đạc có diện tích 3.143,6m^2), ông sẽ trả cho bà N. 3.600.000 đồng.

Nguyên đơn – bà Nguyễn T.Y. trình bày: thống nhất ý kiến của ông S..

Bị đơn – bà Lê T.N. trình bày: ngày 27/4/1994 bà nhận chuyển nhượng phần đất của ông Nguyễn V.S. diện tích 3.250m^2 với giá 16 chỉ vàng 24k. Bà đã đưa đủ vàng, nhận đất canh tác từ năm 1994 đến nay và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000359 ngày 11/01/1996 diện tích 3.250m^2, thửa 1061, tờ bản đồ số 08. Bà không có nhận cố đất của ông S., bà Y. nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn V.Th. trình bày: thống nhất ý kiến của bà N..

Ý kiến của Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/01/1996 cho bà N. không Đ. quy định pháp luật vì: Giấy nhận chuyển nhượng ngày 27/4/1994, nhưng năm 1995 ông S. mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vị trí đất trong tờ cam kết và nhượng đất không Đ. với vị trí đất đo đạc cấp giấy chứng nhận, các giấy tờ thủ tục do bà N. tự đi làm, ông S. không đến Ủy ban nhân dân xã N.N.. Vì vậy, hợp đồng vi phạm về hình thức và điều cấm của pháp luật (năm 1994 ông S. chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) dẫn đến hợp đồng vô hiệu, phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện P.Đ. đã tuyên như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ổn định cho bà Lê T.N. được quyền sử dụng đất thửa 1061, tờ bản đồ số 08, diện tích 3.143,6m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000359 ngày 11/01/1996 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp cho bà Lê T.N.. Đất tọa lạc tại ấp N.T., xã N.N., huyện P.Đ., thành phố Cần Thơ. (Kèm theo Bản trích đo địa chính số 34/TTKTTNMT ngày 18/7/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi Tr.T. phố Cần Thơ).

Chi phí đo đạc, định giá: nguyên đơn nộp 5.000.000 đồng; chi phí giám định chữ ký: nguyên đơn nộp 1.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí định giá, giám định chữ ký 12.000.000 đồng nên được nhận lại 6.000.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện P.Đ..

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 20/01/2020, nguyên đơn ông Nguyễn V.S., bà Nguyễn T.Y. có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét những nội dung như sau: Tuyên không công nhận hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn V.S., bà Nguyễn T.Y. với bà Lê T.N., buộc bà Lê T.N. cho ông S., bà Y. chuộc lại phần đất diện tích 3250m^2 đất (qua đo đạc có diện tích là 3.143,6m^2 đất), thửa đất 1061, tờ bản đồ số 8, do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp cho bà Lê T.N. vào ngày 11/01/1996 với giá 3.600.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn – Luật sư Nguyễn T.C. trình bày: Nguyên đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, với các lý do nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng cầm cố đất nhưng cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất là không Đ.; theo Bản trích đo địa chính được thực hiện tại cấp phúc thẩm trên đất tranh chấp có căn nhà của

nguyên đơn và vị trí đất trong giấy của bà N. là không Đ. với vị trí theo tài liệu chứng cứ chuyển nhượng. Cấp sơ thẩm công nhận đất tranh chấp cho bà N. nhưng chưa giải quyết căn nhà của nguyên đơn là không Đ..

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn V.Đ. thống nhất với ý kiến trình bày của luật sư.

Bị đơn bà Lê T.N. trình bày: Bà N. không đồng ý với ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Bà N. đồng ý cho nguyên đơn chuộc lại đất với giá thị trường là 01 công đất giá 800.000.000 đồng.

Ông Nguyễn V.Đ. không đồng ý chuộc lại đất với mức giá thị trường bà N. đề nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, đương sự và Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án*: Xét thấy, phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Nguyễn V.S., bà Nguyễn T.Y.; ông S. và bà Y. không thừa nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bị đơn mà chỉ là cầm cố đất hai công tầm ba thước vào ngày 15/8/1993, với số tiền 3.600.000 đồng khi nào ông S., bà Y. có tiền sẽ chuộc lại đất. Khi cầm cố đất ông S. đã giao cho bà N. các giấy tờ đất, nhưng sau đó bà N. đã thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tách giấy và đứng tên trên giấy chứng nhận nên yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê T.N., được chuộc lại đất. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án cần được xác định là tranh chấp hợp đồng cầm cố, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất là chưa đúng và chưa đầy đủ về quan hệ pháp luật tranh chấp, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nhưng chưa xem xét làm rõ về văn bản có nội dung cầm cố đất ngày 15/8/1993, về tờ cam kết đưa vàng ngày 11 tháng 3 năm 2001 thể hiện nội dung ông S. có thiếu bà N. tổng cộng là 13 chỉ vàng 24 là vàng cố đất nay đưa trước là 3 chỉ vàng 24 còn lại 10 chỉ ông S. sẽ trả dần để làm rõ việc ông S. cầm cố đất là cầm cố thửa đất nào có giấy tờ cầm cố hay không; nguyên đơn cầm cố đất mấy lần, số vàng 16 chỉ vàng 24K theo hợp đồng chuyển nhượng kết quả lao động và đầu tư trên đất nguyên đơn đã nhận chưa.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công nhận phần đất tranh chấp tại thửa 1061 cho bị đơn, từ việc công nhận kết quả hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng không có văn bản đến cơ quan chuyên môn về trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có đúng quy định pháp luật hay không, đồng thời nguyên đơn cũng có yêu cầu hủy giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất và đưa UBND huyện P.Đ. vào tham gia tố tụng là có thiếu sót. Ngoài ra, khi ổn định phần đất tại thửa 1061 cho bà N. theo kết quả đo đạc tại cấp sơ thẩm không thể hiện có căn nhà của ông S. bà Y. trên đất, nhưng tại kết quả thẩm định tại chỗ ngày 17 tháng 12 năm 2020 giai đoạn phúc thẩm, thể hiện thửa đất số 1061 diện tích 3.994,2m^2 do bà Lê T.N. đứng tên nhưng ông Nguyễn V.S. đang sử dụng (diện tích 2.344.4m^2) và có căn nhà tạm khung cột bê tông đúc sẵn, mái tol, vách tole, nền đất diện tích: 10,88 +7.5 = 18,38m^2, gia đình ông S. sử dụng ổn định từ trước; thửa 102 diện tích 1493.3m^2 do ông Nguyễn V.S. đứng tên do bà N. đang sử dụng nhưng chưa được xem xét giải quyết tại giai đoạn sơ thẩm nên tại giai đoạn cấp phúc thẩm không thể giải quyết mà giao về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại nhằm đảm bảo quyền lợi cho các bên.

Từ những thiếu sót, vi phạm như trên trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tung sự năm 2015 hủy Bản án dân sự số 01/2019/DSST ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện P.Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn V.S., bà Nguyễn T.Y. thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tại cấp phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn V.Th. chết vào ngày 11/10/2020 nên Tòa án đưa vợ con ông Thắng là bà Lê T.N.g và các người con là Nguyễn Th.T., Nguyễn V.T., Nguyễn Th.Tr., Nguyễn Thị Đài vào tham gia tố tụng với tư cách là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thắng theo khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp và kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn V.S., bà Nguyễn T.Y.. Nhận thấy:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/01/2019, ông Nguyễn V.S., bà Nguyễn T.Y. yêu cầu bị đơn thực hiện theo hợp đồng cầm cố đất giữa ông Nguyễn V.S., bà Nguyễn T.Y. với bà Lê T.N. cho ông S., bà Y. chuộc lại diện tích đất hai công tầm 3m, số tiền cầm cố đất là 3.600.000 đồng và yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê T.N., vì cho rằng bà Lê T.N. đã tự ý làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông S., bà Y. đã cầm cố cho bà N..

Tại đơn kháng cáo ngày 20/01/2020, nguyên đơn ông Nguyễn V.S., bà Nguyễn T.Y. yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không công nhận hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn V.S., bà Nguyễn T.Y. với bà Lê T.N., buộc bà Lê T.N. cho ông S., bà Y. chuộc lại

phần đất diện tích 3250m^2 đất (qua đo đạc có diện tích là 3.143,6m^2 đất), thửa đất 1061, tờ bản đồ số 8, do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp cho bà Lê T.N. vào ngày 11/01/1996 với giá 3.600.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Ông Nguyễn V.S., bà Nguyễn T.Y. có quyền sử dụng đất diện tích 4393m^2, thửa 102, tờ bản đồ 08, tọa lạc tại ấp N.T., xã N.N., huyện P.Đ., tỉnh Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000351/QSDĐ do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 18/11/1993 mang tên ông Nguyễn V.S..

Vào ngày 11/01/1996, bà Lê T.N. được UBND huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng điện tích đất diện tích 3250m^2, thửa 1061, tờ bản đồ số 08, theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thửa 1061 tách ra từ thửa 102 của ông Nguyễn V.S..

Nguyên đơn ông Nguyễn V.S. và bà Nguyễn T.Y. cho rằng vào ngày 15/8/1993, có cầm cố đất cho bà N. một phần diện tích đất tại thửa 102, diện tích hai công tầm ba thước, với số tiền 3.600.000 đồng khi nào ông S., bà Y. có tiền sẽ chuộc lại đất, ông bà không chuyển nhượng đất cho bà N.. Khi cầm cố đất ông S. đã giao các giấy tờ đất cho bà N.. Tuy nhiên, sau đó bà N. đã thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tách thửa và đứng tên trên giấy chứng nhận phần đất cầm cố nên yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê T.N., được chuộc lại đất. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 09/01/2020, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn trả lại diện tích đất 3250m2, nguyên đơn trả lại số tiền nợ cố đất 3.600.000 đồng cho bị đơn, yêu cầu hủy giấy chứng nhận của bị đơn. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất nên chưa xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn với bị đơn; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn là chưa phù hợp.

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều có lời khai xác nhận vị trí đất đang tranh chấp không phải là vị trí đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Lê T.N. mà là vị trí bà N. đang canh tác.

Trên cơ sở yêu cầu thẩm định đo đạc lại vị trí đất tranh chấp của nguyên đơn, tòa án đã tiến hành công tác đo đạc lại đất đang tranh chấp. Theo Hồ sơ trích đo địa chính số 08/TTKTTNMT ngày 20/01/2021, thể hiện vị trí đất tranh chấp tại thửa số 102, diện tích 1493.3m^2 do ông Nguyễn V.S. đứng tên trên giấy chứng nhận nhưng bà N. đang canh tác, vị trí thửa số 1061 diện tích 3.994,2m^2 do bà N. đứng tên trên giấy chứng nhận nhưng trên thửa đất có căn nhà cấp 4 do ông S., bà Y. xây dựng và sinh sống ổn định từ trước đến nay. Việc giải quyết ổn định cho bà Lê T.N. được quyền sử dụng diện tích 3.143,6m^2, thửa đất 1061, tờ bản đồ số 08, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp ngày 11/01/1996, trong khi phía bà N. không có yêu

cầu phản tố, đồng thời chưa làm rõ giải quyết căn nhà của ông S., bà Y. trên thửa 1061 là chưa có cơ sở.

Đối với diện tích đất 4393m^2, tại thửa 102, do ông Nguyễn V.S. đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 18/11/1995. Trong đó một phần diện tích thửa đất 102 được tách thửa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N. diện tích 3250m^2 tại thửa 1061. Cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về biến động diện tích đất của nguyên đơn để xác định lại vị trí diện tích đất thực tế của các bên và hỏi cơ quan có chuyên môn về trình tự cấp giấy cho bị đơn có đúng thủ tục hay không.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng chưa làm rõ về việc giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch cầm cố đất theo nội dung biên nhận cầm cố đất ngày 15/8/1993 hay không; vị trí đất trong tờ cam kết nhượng đất ngày 27/4/1994 với vị trí đất thửa đất 1061, tờ bản đồ số 08, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp ngày 11/01/1996 cấp cho bà N.; chưa làm rõ tờ cam kết đưa vàng ngày 11 tháng 3 năm 2001 nội dung ông S. có thiếu bà N. 13 chỉ vàng 24k là vàng cố đất nay trả trước là 3 chỉ vàng 24k và còn nợ lại 10 chỉ là cầm cố thửa đất nào, nguyên đơn cầm cố đất mấy lần; chưa làm rõ số vàng 16 chỉ 24K theo hợp đồng chuyển nhượng kết quả lao động và đầu tư trên đất để giải quyết.

Xét các tình tiết mới phát sinh trên chưa được xem xét tại cấp sơ thẩm nên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy yêu cầu kháng cáo nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, cần hủy bản án sơ thẩm để chuyển về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung. Do vậy, quan điểm của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Do hủy bản án sơ thẩm nên chưa ai phải chịu chi phí này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn V.S., bà Nguyễn T.Y..

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện P.Đ., thành phố Cần Thơ

Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện P.Đ. để giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Do hủy bản án sơ thẩm nên chưa ai phải chịu chi phí này.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn V.S., bà Nguyễn T.Y. không phải chịu nên được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 017297 ngày 21/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P.Đ..

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn V.S., bà Nguyễn T.Y. mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu số 017297 ngày 21/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.Đ.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND thành phố Cần Thơ**;**
- Cục T.H.A.DS thành phố Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân huyện P.Đ.;
- Chi cục T.H.A DS huyện P.Đ.;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Bích Hải